CPA VIETNAM

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG IDICO

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

An independent firm, in association with
Moore Stephens International Limited
Members in principal cities throughout the world

MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN	3
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng Cân đối kế toán	4 - 5
Báo cáo Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh	6
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ	7
Thuyết minh Báo cáo tài chính	8 - 19

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Hạ tầng IDICO đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Hạ tầng IDICO (IDICO - IDI JSC) được chuyển đổi từ Công ty TNHH BOT An Sương - An Lạc theo Giấy đăng ký kinh doanh số 4103008732 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 12/12/2007

Trụ sở chính của Công ty tại Km 1096+700, Quốc lộ 1A, Khu phố 5, phường Bình Hưng Hòa B, Quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị	Ông Nguyễn Văn Thuý	Chủ tịch (từ 3/2/2009)
	Ông Lê Thiết Hiệu	Chủ tịch (đến 3/2/2009)
	Ông Lê Thanh Tùng	Ủy viên (từ 3/2/2009)
	Ông Nguyễn Xuân Thắng	Ủy viên (đến 3/2/2009)
	Ông Nguyễn Hồng Ninh	Ủy viên
	Ông Đinh Xuân Vinh	Ủy viên
	Ông Phan Văn Quang	Ủy viên
Ban Giám đốc	Ông Nguyễn Hồng Ninh	Giám đốc
	Ông Vũ Thành Danh	Phó Giám đốc
	Ông Nguyễn Hồng Dung	Phó Giám đốc

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN

Theo nhận định của Ban Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày được kiểm toán bởi Công ty Hợp danh Kiểm toán Việt Nam (CPA VIETNAM) - Thành viên đại diện Moore Stephens International Limited

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý các Báo cáo tài chính để Báo cáo tài chính không bị sai sót trọng yếu kể cả do gian lận hoặc bị lỗi.
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG IDICO

Nguyễn Hồng Ninh
Giám đốc

Tp Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 03 năm 2009

CPA VIETNAM

CÔNG TY HỢP DANH KIỂM TOÁN VIỆT NAM

Trụ sở chính tại Hà Nội
Số 17, Lô 2C, Khu Đô thị Trung Yên,
Phố Trung Hòa, Quận Cầu Giấy,
Thành phố Hà Nội

Tel: +84 (4) 3 783 2121
Fax: +84 (4) 3 783 2122
Email: hanoi@cpavietnam.org
www.cpavietnam.org

Số. 151 /2009/BCKT-BCTC/CPA VIETNAM

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Về Báo cáo tài chính năm 2008 của Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Hạ tầng IDICO

Kính gửi: **Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc**
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Hạ tầng IDICO

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2008, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ và các Thuyết minh Báo cáo tài chính năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển hạ tầng IDICO (gọi tắt là "Công ty") từ trang 04 đến trang 19 kèm theo

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Giám đốc công ty Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi

Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát các báo cáo tài chính Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2008 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc vào ngày trên, phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan

Lưu ý:

Chúng tôi xin lưu ý đến về phương pháp tính khấu hao tài sản cố định của Công ty được trình bày tại Thuyết minh số 4 - Các chính sách kế toán áp dụng, phần Tài sản cố định và khấu hao và Thuyết minh số 5.6(i) phần Thuyết minh Báo cáo tài chính - Các khoản đầu tư tài chính dài hạn.

CÔNG TY HỢP DANH KIỂM TOÁN VIỆT NAM

Nguyễn Anh Tuấn
Phó Tổng Giám đốc
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0779/KTV

Phan Thanh Nam
Kiểm toán viên
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 1009/KTV

Thay mặt và đại diện
CÔNG TY HỢP DANH KIỂM TOÁN VIỆT NAM - CPA VIETNAM
Thành viên đại diện Moore Stephens International Limited.
Hà Nội, ngày 20 tháng 03 năm 2009

An independent firm, in association with Moore Stephens International Limited, members in principal cities throughout the world

Mẫu B 01-DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2008

TÀI SẢN	Mã số	TM	31/12/2008 VND	01/01/2008 VND
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110+120+130+140+150)	**100**		**50.457.549.749**	**120.539.728.768**
I- Tiền	**110**		**14.281.386.200**	**43.783.992.783**
1. Tiền	111	5.1	14.281.386.200	43.783.992.783
III- Các khoản phải thu ngắn hạn	**130**		**35.082.247.452**	**76.146.950.896**
1. Phải thu khách hàng	131		-	-
2. Trả trước cho người bán	132		1.446.010.704	8.771.317.447
5. Các khoản phải thu khác	135	5.2	33.636.236.748	67.375.633.449
IV- Hàng tồn kho	**140**		**159.140.469**	**68.176.711**
1. Hàng tồn kho	141	5.3	159.140.469	68.176.711
V- Tài sản ngắn hạn khác	**150**		**934.775.628**	**540.608.378**
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		59.491.683	59.491.683
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		875.283.945	481.116.695
B - TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210+220+240+250+260)	**200**		**715.607.824.434**	**804.326.082.193**
I. Các khoản phải thu dài hạn	**210**		**8.681.656.059**	**22.269.243.320**
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		1.046.258.760	1.322.323.320
4. Phải thu dài hạn khác	218	5.4	7.635.397.299	20.946.920.000
II- Tài sản cố định	**220**		**617.885.548.275**	**696.781.903.373**
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.5	616.984.680.808	5.059.697.760
- Nguyên giá	*222*	*5.5*	*779.188.823.204*	*6.681.493.365*
- Giá trị hao mòn lũy kế	*223*	*5.5*	*(162.204.142.396)*	*(1.621.795.605)*
3. Tài sản cố định vô hình	227		556.585.013	656.671.961
- Nguyên giá	*228*		*714.424.800*	*714.424.800*
- Giá trị hao mòn lũy kế	*229*		*(157.839.787)*	*(57.752.839)*
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		344.282.454	691.065.533.652
III- Bất động sản đầu tư	**240**		**-**	**-**
IV- Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	**250**	**5.6**	**89.040.620.100**	**85.274.935.500**
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		6.159.367.000	-
3. Đầu tư dài hạn khác	258		85.274.935.500	85.274.935.500
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		(2.393.682.400)	-
V- Tài sản dài hạn khác	**260**		**-**	**-**
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)	**270**		**766.065.374.183**	**924.865.810.961**

Mẫu B 01-DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2008

NGUỒN VỐN	Mã số	TM	31/12/2008 VND	01/01/2008 VND
A- NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310+330)	**300**		**489.087.619.890**	**700.683.279.824**
I- Nợ ngắn hạn	**310**		**21.674.569.178**	**151.574.772.925**
1. Vay và nơ ngắn hạn	311	5.7	6.300.000.000	-
2. Phải trả người bán	312		11.799.578.231	4.871.828.744
4 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	5.8	190.871.532	1.602.595.318
5. Phải trả người lao động	315		993.329.839	317.107.523
6. Chi phí phải trả	316		-	140.831.600.052
9 Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	5.9	2.390.789.576	3.951.641.288
II- Nợ dài hạn	**330**		**467.413.050.712**	**549.108.506.899**
3. Phải trả dài hạn khác	333	5.10	54.579.479.313	85.274.935.500
4. Vay và nợ dài hạn	334	5.11	412.833.571.399	463.833.571.399
B- VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410+430)	**400**		**276.977.754.293**	**224.182.531.137**
I- Vốn chủ sở hữu	**410**	**5.12**	**276.977.754.293**	**224.182.531.137**
1 Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	5.12	249.492.000.000	249.492.000.000
5. Chênh lệch đánh giá tài sản	415	5.12	51.076.159.164	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	5.12	(23.590.404.871)	(25.309.468.863)
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	**440**		**766.065.374.183**	**924.865.810.961**

Tp Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 03 năm 2009

Kế toán trưởng	Giám đốc
Nguyễn Trọng Thạo	Nguyễn Hồng Ninh

Mẫu B 02-DN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

	CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2008 VND	Năm 2007 VND
1.	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.13	131.842.640.902	131.346.154.540
2.	Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3.	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10	5.13	131.842.640.902	131.346.154.540
4	Giá vốn hàng bán	11	5.14	21.227.956.261	43.475.064.018
5.	**Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)**	**20**		**110.614.684.641**	**87.871.090.522**
6.	Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.15	5.537.924.370	211.064.717
7.	Chi phí tài chính	22	5.16	73.458.347.959	59.068.625.780
	Trong đó: Chi phí lãi vay	*23*		*71.064.665.559*	*59.068.625.780*
8.	Chi phí bán hàng	24		13.808.359.870	11.280.898.522
9	Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		3.770.528.823	3.840.203.829
10.	**Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)-(24+25)}**	**30**		**25.115.372.359**	**13.892.427.108**
11	Thu nhập khác	31		65.225.727	32.591.858
12	Chi phí khác	32		534.176	5.020.000
13.	**Lợi nhuận khác (40 = 31-32)**	**40**		**64.691.551**	**27.571.858**
14.	**Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40)**	**50**		**25.180.063.910**	**13.919.998.966**
15.	Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		-	-
16	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17.	**Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)**	**60**		**25.180.063.910**	**13.919.998.966**
18.	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	5.17	1.009	-

Tp Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 03 năm 2009

Kế toán trưởng	Giám đốc
Nguyễn Trọng Thạo	Nguyễn Hồng Ninh

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG IDICO

Mẫu B 03-DN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(theo phương pháp trực tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2008 VND	Năm 2007 VND
1	2	4	5
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1 Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	145.026.905.000	134.180.970.000
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	(8.180.254.193)	(44.615.444.953)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(10.677.345.339)	(5.366.085.589)
4. Tiền chi trả lãi vay	04	(71.064.665.559)	(59.068.625.780)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	10.373.747.519	86.286.727.654
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(39.601.974.411)	(4.588.470.398)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	**20**	**25.876.413.017**	**106.829.070.934**
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(73.888.000)	(2.380.000)
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(6.159.367.000)	(85.274.935.500)
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	3.100.562.935	211.064.717
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	**30**	**(3.132.692.065)**	**(85.066.250.783)**
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1 Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	28.931.420.000
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	9.800.000.000	-
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(54.500.000.000)	(44.366.428.601)
6 Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(7.546.327.535)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	**40**	**(52.246.327.535)**	**(15.435.008.601)**
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40)	**50**	**(29.502.606.583)**	**6.327.811.550**
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	**60**	43.783.992.783	37.456.181.233
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (50+60+61)	**70**	**14.281.386.200**	**43.783.992.783**

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 03 năm 2009

Kế toán trưởng	Giám đốc
Nguyễn Trọng Thạo	Nguyễn Hồng Ninh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH MẪU B 09-DN

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

1.1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Hạ tầng IDICO được chuyển đổi từ Công ty TNHH BOT An Sương - An Lạc, hoạt động theo Giấy đăng ký kinh doanh số 4103008732 ngày 12/12/2007 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh. Vốn điều lệ theo đăng ký kinh doanh là: 249 492 000 000 đồng

Công ty TNHH BOT An Sương - An Lạc là công ty TNHH hai thành viên trở lên được thành lập theo Quyết định số 05/GP-ĐTTN ngày 08/09/2000 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư, thực hiện đầu tư theo hình thức Hợp đồng **Xây dựng - Kinh Doanh - Chuyển giao (BOT)** số 3599/HĐ/GTVT/KHĐT ngày 27/11/2003 được ký giữa Bộ Giao thông Vận tải và chủ đầu tư để xây dựng, cải tạo, nâng cấp công trình giao thông đoạn An Sương - An Lạc trên Quốc lộ 1A thuộc địa phận Tp Hồ Chí Minh; Giấy phép đầu tư điều chỉnh số 05/GPĐC1 - ĐTTN ngày 07/4/2004, Giấy phép đầu tư điều chỉnh số 05/GPĐC2 - ĐTTN ngày 20/08/2007 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư

Sở hữu vốn:

Tổng Công ty Đầu tư Phát triển Đô thị và Khu Công nghiệp	35%
Tổng Công ty Xây dựng Công trình Giao thông 6	12,5%
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng dầu khí IDICO	10%
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển nhà và Đô thị IDICO	10%
Các cổ đông khác	32,5%

1.2. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103008732, ngày 12 tháng 12 năm 2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tp Hồ Chí Minh cấp hoạt động chính của Công ty là:

- Đầu tư xây dựng, kinh doanh hạ tầng kỹ thuật khu đô thị, khu công nghiệp, khu kinh tế;
- Xây dựng công trình dân dụng, giao thông, thủy lợi;
- Sản xuất, lắp đặt, mua bán thiết bị ngành giao thông (không sản xuất tại trụ sở);
- Dịch vụ chuyển giao công nghệ;
- Kinh doanh dịch vụ bất động sản;

Hoạt động chính của Công ty trong năm: Thu phí đường bộ theo hợp đồng BOT

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỲ KẾ TOÁN

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan khác tại Việt Nam.

Kỳ kế toán

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 03 năm 2006 và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán đã được ban hành và có hiệu lực có liên quan đến việc soạn lập và trình bày báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008.

Không có chuẩn mực kế toán mới nào lần đầu tiên áp dụng trong năm tài chính 2008.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức kế toán Nhật ký chung

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Tiền và tương đương tiền

Tiền mặt và các khoản tương đương tiền mặt bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản ký cược, ký quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn hoặc các khoản đầu tư có khả năng thanh khoản cao dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít có rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này

Các khoản phải thu và dự phòng nợ khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ ba tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc, trong trường hợp giá gốc hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên và tính giá theo phương pháp đích danh

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	2008 Số năm
Nhà xưởng và vật kiến trúc	12
Máy móc và thiết bị	7
Phương tiện vận tải	8
Thiết bị, dụng cụ quản lý	4

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao (Tiếp theo)

Đối với tài sản cố định hình thành từ Dự án đầu tư B O T được khấu hao trong thời gian 145 tháng, kể từ khi đưa vào hoạt động, tuy nhiên, do đặc thù hoạt động, Công ty không áp dụng phương pháp khấu hao theo đường thẳng hoặc theo giá trị sản lượng, mức trích khấu hao được căn cứ vào kế hoạch tài chính hàng năm được Hội đồng quản trị phê duyệt Nếu áp dụng theo phương pháp đường thẳng thì chi phí khấu hao trong năm 2008 khoảng 64 439 triệu đồng, tăng so với chi phí khấu hao hiện tại 44.589 triệu đồng.

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Phần mềm quản lý thu phí

Phần mềm quản lý thu phí được ghi nhận trên cơ sở giá gốc, khấu hao theo phương pháp đường thẳng với thời gian là 7 năm

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng

Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào các đơn vị mà Công ty không nắm giữ quyền kiểm soát hoặc có ảnh hưởng trọng yếu được phản ánh theo giá gốc. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi Ban giám đốc công ty cho rằng việc giảm giá này là không tạm thời và không nằm trong kế hoạch của đơn vị được đầu tư Dự phòng được hoàn nhập khi có sự tăng lên sau đó của giá trị có thể thu hồi

Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu

Chênh lệch đánh gía lại tài sản: Phát sinh do việc quy đổi về mặt bằng giá tại thời điểm quyết toán Dự án BOT An Sương - An Lạc theo quy định của Nhà nước.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu thu phí đường bộ

Doanh thu thu phí đường bộ được xác định trên cơ sở vé "Cước đường bộ" lượt và tháng đã bán và được người mua chấp nhận thanh toán

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Công ty được áp dụng mức thuế ưu đãi 10%, miễn thuế trong vòng 4 năm kể từ năm đầu tiên kinh doanh có lãi (2007), giảm 50% trong 9 năm tiếp theo đối với hoạt động thu phí đường bộ

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tuỳ thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản và suy giảm trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông cho số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng việc điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông có tiềm năng suy giảm bao gồm trái phiếu chuyển đổi và quyền chọn cổ phiếu

Các bên liên quan

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp kể cả Công ty Mẹ, các công ty con của Công ty Mẹ, các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát công ty hoặc chịu sự kiểm soát chung với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty Những chức trách quản lý chủ chốt như Giám đốc, viên chức của công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2008 VND	01/01/2008 VND
Tiền mặt	1 437 926 000	7 024 293 392
Tiền gửi ngân hàng	12 843 460 200	36 759 699 391
Tổng	**14.281.386.200**	**43.783.992.783**

5.2 Phải thu khác

	31/12/2008 VND	01/01/2008 VND
Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia	2 393 682 400	-
Phải thu khác	31 242 554 348	67 375 633 449
Tổng công ty IDICO	-	*22 171 254 643*
CIENCO 6	*1 075 403 079*	*3 968 821 534*
IDICO - URBIZ	*10 680 750 000*	*12 249 200 000*
IDICO - UDICO	*12 046 203 631*	*13 477 853 368*
IDICO - COMATRA	*5 675 550 000*	*5 737 300 000*
CNV IDICO	*1 000 000 000*	*4 750 000 000*
CNV CIENCO 6	-	*3 742 380 000*
Đối tượng khác	*764 647 638*	*1 278 823 904*
Tổng	**33.636.236.748**	**67.375.633.449**

5.3 Hàng tồn kho

	31/12/2008 VND	01/01/2008 VND
Nguyên liệu, vật liệu	64 178 745	49 276 711
Công cụ, dụng cụ	94 961 724	18 900 000
Cộng giá gốc hàng tồn kho	**159.140.469**	**68.176.711**

5.4 Phải thu dài hạn khác

	31/12/2008 VND	01/01/2008 VND
Phải thu dài hạn khác	7 635 397 299	20 946 920 000
Công ty IDICO-CONAC	*7 506 096 000*	*10 500 000 000*
CIENCO 8	-	*5 400 000 000*
Công ty TNHH TMXD DL Hồng Ngọc Hà	-	*1 607 000 000*
CIENCO 6	-	*3 000 000 000*
CBNV Công ty IDI vay góp vốn	*129 301 299*	*439 920 000*
Tổng	**7.635.397.299**	**20.946.920.000**

5.5 Tài sản cố định hữu hình

Đơn vị: VND

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
NGUYÊN GIÁ					
Số dư tại 01/01/2008	**138.181.820**	**4.729.720.081**	**1.478.881.600**	**334.709.864**	**6.681.493.365**
Tăng trong năm	**770.631.704.405**	**1.852.729.434**	**-**	**22.896.000**	**772.507.329.839**
Mua trong năm	-	18 597 600	-	22.896.000	41.493 600
Đầu tư XDCB hoàn thành	770.631 704 405	1.834 131 834	-	-	772.465.836.239
Giảm trong năm	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**
Số dư tại 31/12/2008	**770.769.886.225**	**6.582.449.515**	**1.478.881.600**	**357.605.864**	**779.188.823.204**
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Số dư tại 01/01/2008	**32.900.440**	**790.947.776**	**598.080.611**	**199.866.778**	**1.621.795.605**
Tăng trong năm	**159.770.340.316**	**617.668.860**	**147.888.168**	**46.449.447**	**160.582.346.791**
Khấu hao trong năm	19.740 264	617.668.860	147 888.168	46 449 447	831 746.739
Tăng khác	159.750.600 052	-	-	-	159 750.600.052
Giảm trong năm	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**
Số dư tại 31/12/2008	**159.803.240.756**	**1.408.616.636**	**745.968.779**	**246.316.225**	**162.204.142.396**
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại 31/12/2008	**610.966.645.469**	**5.173.832.879**	**732.912.821**	**111.289.639**	**616.984.680.808**
Tại 01/01/2008	**105.281.380**	**3.938.772.305**	**880.800.989**	**134.843.086**	**5.059.697.760**

Trong đó, Nguyên giá tài sản cố định hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng: 149 773 638 đồng

5.6 Đầu tư tài chính dài hạn

	31/12/2008 VND	01/01/2008 VND
Đầu tư dài hạn khác	91 434.302 500	85 274 935.500
Đầu tư cổ phiếu (i)	85.274.935.500	85.274 935 500
Đầu tư dài hạn khác (ii)	*6 159 367 000*	-
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	(2.393.682.400)	-
	89.040.620.100	**85.274.935.500**

(i) Đầu tư cổ phiếu Công ty Cổ phần Thủy điện Srok Phu Miêng, mệnh giá 10.000 đồng/cổphiếu. Số cổ phiếu nắm giữ 2.992.103 cổ phiếu, dự phòng 2.393.682.400 đồng đã được trích lập cho khoản đầu tư nói trên. Hiện tại Cổ phiếu Thủy điện Srok Phu Miêng chưa giao dịch chính thức do đó chưa có cơ sở để trích lập dự phòng đầy đủ cho khoản đầu tư này

(ii) Góp vốn hợp tác đầu tư và kinh doanh với Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Long An IDICO dự án Khu dân cư Trung tâm mở rộng Phường 6 - Thị xã Tân An, Tỉnh Long An. Theo hợp đồng, hai bên sẽ thành lập một Ban quản lý dự án, vốn góp và lợi nhuận được chia theo tỷ lệ 50/50 Tổng mức đầu tư của Dự án là 1.319 tỷ đồng

5.7 Vay và nợ ngắn hạn

	31/12/2008 VND	01/01/2008 VND
Vay ngắn hạn	6 300 000 000	-
Nợ dài hạn đến hạn trả	-	-
Tổng	**6.300.000.000**	**-**

5.8 Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

	31/12/2008 VND	01/01/2008 VND
Thuế giá trị gia tăng	149 737 160	1 590.755.875
Thuế thu nhập cá nhân	41 134 372	11.839.443
Tổng	**190.871.532**	**1.602.595.318**

5.9 Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	31/12/2008 VND	01/01/2008 VND
Tài sản thừa chờ giải quyết	-	-
Kinh phí công đoàn	33.930.602	23 044.436
Bảo hiểm xã hội	55.166 361	-
Bảo hiểm y tế	2 763 216	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	2 298 929 397	3.928.596 852
Tổng	**2.390.789.576**	**3.951.641.288**

5.10 Phải trả dài hạn khác

	31/12/2008 VND	01/01/2008 VND
Phải trả dài hạn khác	-	-
Tổng Công ty IDICO	*54.579.479 313*	85.274 935 500
Tổng	**54.579.479.313**	**85.274.935.500**

5.11 Vay và nợ dài hạn

	31/12/2008 VND	01/01/2008 VND
Vay dài hạn	**412.833.571.399**	**463.833.571.399**
Vay ngân hàng	412.833.571.399	463.833.571.399
Tổng	**412.833.571.399**	**463.833.571.399**

Vay dài hạn theo Hợp đồng tín dụng số 351/2004/HĐ ngày 28 tháng 07 năm 2004 với Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (Ngân hàng đầu mối), Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Bình Thạnh, Ngân hàng Liên doanh Lào - Việt Số tiền vay theo hợp đồng là 580.000.000.0000 đồng, mục đích đầu tư dự án "Cải tạo nâng cấp Quốc lộ 1 A đoạn An Sương - An Lạc Km 1901 - Km 1915) địa phận Thành phố Hồ Chí Minh" Thời hạn vay 126 tháng, thời gian ân hạn 6 tháng kể từ ngày ký hợp đồng Thời gian trả nợ 120 tháng bắt đầu vào quý I năm 2005, trả nợ gốc 3 tháng 1 kỳ, lãi trả ngày 25 đến 30 hàng tháng

Lãi suất không vượt quá 150% lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố

Khỏan vay được đảm bảo bằng quyền thu phí quốc lô 1A theo hợp đồng BOT

5.12 Vốn chủ sở hữu

a - Đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư tại 01/01/2007	**167.765.666.202**	-	**(39.229.467.829)**	**128.536.198.373**
Tăng trong năm	**103.648.598.277**	-	**13.919.998.966**	**117.568.597.243**
Tăng vốn	103.648.598.277	-	-	103.648.598.277
Lãi	-	-	13.919.998.966	13.919.998.966
Giảm trong năm	**21.922.264.479**	-	-	**21.922.264.479**
Giảm vốn	21.922.264.479	-	-	21.922.264.479
Số dư tại 31/12/2007	**249.492.000.000**	-	**(25.309.468.863)**	**224.182.531.137**
Số dư tại 01/01/2008	**249.492.000.000**	-	**(25.309.468.863)**	**224.182.531.137**
Tăng trong năm	-	**51.076.159.164**	**25.630.973.936**	**76.707.133.100**
Lãi	-	-	25.180.063.910	25.180.063.910
Tăng khác	-	51.076.159.164	450.910.026	51.527.069.190
Giảm trong năm	-	-	**23.911.909.944**	**23.911.909.944**
Giảm khác	-	-	23.911.909.944	23.911.909.944
Số dư tại 31/12/2008	**249.492.000.000**	**51.076.159.164**	**(23.590.404.871)**	**276.977.754.293**

b. Chi tiết vốn chủ sở hữu

	31/12/2008 VND	01/01/2008 VND
Vốn góp của Nhà nước	181.928.753.400	181.928.753.400
Vốn góp của đối tượng khác	67.563.246.600	67.563.246.600
Cộng	**249.492.000.000**	**249.492.000.000**

5.12 Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)

c. Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2008 VND	Năm 2007 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp tại ngày 01 tháng 01	249 492 000 000	167.765.666 202
Vốn góp tăng trong năm	-	103 648.598.277
Vốn góp giảm trong năm	-	21 922.264.479
Vốn góp tại ngày 31 tháng 12	249.492.000.000	249.492 000 000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	**23.911.909.944**	**-**
Tạm ứng cổ tức 2008	23 911 909.944	-

d. Cổ phiếu

	Năm 2008 Cổ phiếu	Năm 2007 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	**24.949.200**	**24.949.200**
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng		
Cổ phiếu phổ thông	24 949.200	24 949 200
Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu được mua lại		
Cổ phiếu phổ thông	24.949 200	24 949 200
Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		
Cổ phiếu phổ thông	24.949.200	24.949 200
Cổ phiếu ưu đãi		
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành	10.000 đ/cổ phiếu	10.000 đ/cổ phiếu

5.13 Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2008 VND	Năm 2007 VND
Doanh thu thu phí đường bộ	131.842.640 902	131.346 154 540
Cộng	**131.842.640.902**	**131.346.154.540**

5.14 Giá vốn hàng bán

	Năm 2008 VND	Năm 2007 VND
Giá vốn thu phí đường bộ	21.227.956.261	43.475 064 018
Cộng	**21.227.956.261**	**43.475.064.018**

5.15 Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2008 VND	Năm 2007 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	3 144 241 970	211 064 717
Cổ tức, lợi nhuận được chia	2 393 682 400	-
Cộng	**5.537.924.370**	**211.064.717**

5.16 Chi phí hoạt động tài chính

	Năm 2008 VND	Năm 2007 VND
Lãi tiền vay	71 064 665 559	59 068 625 780
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn	2 393 682 400	-
Cộng	**73.458.347.959**	**59.068.625.780**

5.17 Lãi trên cổ phiếu

	Năm 2008
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp (VND)	25 180 063 910
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND):	-
Các khoản điều chỉnh tăng	-
Các khoản điều chỉnh giảm	-
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	25 180 063 910
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	24 949 200
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	**1.009,25**

5.18 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2008 VND	Năm 2007 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1 055 220 446	869 554 996
Chi phí nhân công	11 490 546 551	9 264 138 344
Chi phí khấu hao tài sản cố định	19 850 833 686	42 385 067 895
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4 317 831 671	4 055 726 616
Chi phí khác bằng tiền	2 092 412 592	2 021 678 518
Cộng	**38.806.844.946**	**58.596.166.369**

6. THÔNG TIN KHÁC

6.1 Số dư và giao dịch với các bên liên quan

Số dư với các bên liên quan

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung công nợ	31/12/2008	31/12/2007
Tổng Công ty IDICO	Công ty Mẹ	Phải trả cho TCT	54 579.479.313	-
CIENCO 6	Cổ đông lớn	Phải trả khối lượng xây	712.609.964	821 939 783
		Phải trả cổ tức	2.107.776.784	
		Phải thu	1.075 403 079	
IDICO - CONAC	Cổ đông lớn	Phải trả khối lượng xây	2.117.247 431	702 884.444
	Cùng là công ty con của Tổng Công ty IDICO	Phải thu	7 506.096.000	-
IDICO - URBIZ	Cổ đông lớn	Phải thu	10.680 750 000	-
	Cùng là công ty con của Tổng Công ty IDICO			
IDICO - UDICO	Cổ đông lớn	Phải trả khối lượng xây	341 230.432	511 158 450
	Cùng là công ty con của Tổng Công ty IDICO	Phải thu	12.046.203 631	-
IDICO - COMATRA	Cùng là công ty con của Tổng Công ty IDICO	Phải thu	5 675 550 000	-
IDICO - SPM	Cùng là công ty con của Tổng Công ty IDICO	Phải thu cổ tức	2 393 682 400	-

Giao dịch với các bên liên quan

Bên liên quan	Mối quan hệ	Tính chất giao dịch	Năm 2008	Năm 2007
Tổng Công ty IDICO	Công ty Mẹ			
CIENCO 6	Cổ đông lớn	Thi công công trình	7 237 192 779	5 435.899 169
IDICO - CONAC	Cổ đông lớn	Thi công công trình	2 896.094.987	7 129 870 130
	Cùng là công ty con của Tổng Công ty IDICO			
IDICO - UDICO	Cổ đông lớn	Thi công công trình	-	455 546 022
	Cùng là công ty con của Tổng Công ty IDICO			

6.2 Số liệu so sánh

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007 đã được kiểm toán bởi Công ty Hợp danh Kiểm toán Việt Nam (CPA VIETNAM)

Tp Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 03 năm 2009

Kế toán trưởng	Giám đốc
Nguyễn Trọng Thạo	Nguyễn Hồng Ninh